

Số: 11/QĐ-THCS

Hạ Long, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương hướng chiến lược phát triển trường THCS
Lý Tự Trọng giai đoạn 2025-2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ trường THCS, THPT Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐT ngày 16/01/2025 nghị quyết Hội đồng trường lần thứ tư năm học 2024-2025 của Hội đồng trường THCS Lý Tự Trọng về việc phê duyệt phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương hướng chiến lược phát triển trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2025-2030

(có văn bản Phương hướng chiến lược phát triển kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Lãnh đạo nhà trường, các tổ chức đoàn thể, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng; cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Lưu VT.

Bùi Hoàng Anh

**PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG GIAI ĐOẠN 2025 – 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-THCS ngày 10/02/2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lý Tự Trọng)

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG:

- Luật Giáo dục số 43/2019/ QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Luật thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 91- KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”;
- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Văn bản số 03/2017/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ GDĐT ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS; Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định ban hành kèm theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định

tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT tạo ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS;

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

- Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

- Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 05/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

II. TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG:

1. Khái quát chung:

- Trường THCS Lý Tự Trọng nằm phía tây Thành phố Hạ Long, tọa lạc tại tổ 3 khu 1 Phường Giếng Đáy, địa phương có truyền thống hiếu học, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; nhà trường có cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, có môi trường sư phạm thuận lợi, đội ngũ đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao, có tay nghề đồng đều, vững vàng. Nhà trường xác định hướng đi trọng tâm là: Phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển, xây dựng nề nếp giáo dục toàn diện. Từ nhiều năm nay đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã tiếp cận tương đối tốt những đổi mới của ngành.

- Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và sự đồng thuận của toàn xã hội cùng với sự nỗ lực cố gắng của thầy và trò; nhà trường nghiêm túc thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, duy trì sĩ số học sinh gắn liền với đổi mới chương trình giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục, các phong trào thi đua, tăng cường nề nếp, kỷ cương, chủ động phối hợp với các lực lượng xã hội, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và giảng dạy; chất lượng giáo dục của

nhà trường luôn được đánh giá cao, là địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh khi lựa chọn môi trường học tập cho con em mình. Trường liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và “Tập thể Lao động xuất sắc”, được công nhận trường trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Đây là sự khẳng định chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong 5 năm triển khai thực hiện phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2025 – 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, với mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng triển khai Chương trình GDPT 2018; thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nhà trường, trong dạy và học; duy trì và nâng cao các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Kết quả việc triển khai thực hiện phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025:

2.1. Quy mô trường, lớp.

2.1.1. Quy mô trường, lớp

Năm học	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		Toàn trường	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2020-2021	9	437	10	426	7	328	6	269	32	1460
2021-2022	9	391	9	436	9	419	7	318	34	1564
2022-2023	10	437	9	384	9	430	9	415	37	1666
2023-2024	11	495	10	437	9	373	9	428	39	1733
2024-2025	10	453	11	495	10	438	9	371	40	1757

2.1.2. So sánh

Năm học	Kế hoạch CLPT 2020-2025		Thực hiện		So sánh Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
2020-2021	32	1465	32	1460	(-) 5 HS	
2021-2022	36	1634	34	1564	(-) 02 lớp = 70 HS	01 lớp 6; 01 lớp 8

2022-2023	40	1834	37	1666	(-) 03 lớp = 168 HS	01 lớp 6; 01 lớp 7, 01 lớp 9
2023-2024	39	1733	39	1733		
2024-2025	41	1760	40	1757	(-) 01 lớp; (-) 03 học sinh	01 lớp 6

2.2. Quy mô đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.2.1. Quy mô đội ngũ

TT	NỘI DUNG	Năm học 2020-2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Số lượng	48	56	56	63	60
	Cán bộ quản lý	1	2	2	3	3
	Giáo viên	45	52	52	58	55
	Nhân viên thư viện	1	1	1	1	1
	Nhân viên Kế toán	1	1	1	1	1
2	Trình độ chuyên môn					
	Thạc sĩ	2	4	4	4	4
	Đại học	45	51	52	57	54
	Cao đẳng	1	1	0	1	1
	Trung cấp	0	0	0	0	0
	Chưa qua đào tạo	0	0	0	0	0
3	Trình độ lý luận chính trị					
	Trung cấp lý luận chính trị	3	4	4	6	6
	Sơ cấp lý luận chính trị	31	30	34	37	37
4	Trình độ quản lý					

	giáo dục					
	Thạc sĩ		1	1	1	1
	Chứng chỉ	1	1	1	2	2

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện có (tính đến thời điểm tháng 02/2025) 60, trong đó: cán bộ quản lý 03 (Hiệu trưởng 1, Phó hiệu trưởng 2), giáo viên 55 (Văn 14, GDCD 1, Toán 15, GDTC 3, tiếng Anh 6, Mỹ thuật 1, Âm nhạc 2, KHTN 8, Lịch sử & Địa lý 4, Tin 1; nhân viên 2 (nhân viên kế toán kiêm văn thư; nhân viên thư viện kiêm thiết bị, thủ quỹ, y tế).

2.2.2. So sánh

- Nhu cầu cần: 90 trong đó: cán bộ quản lý 3, giáo viên 77, nhân viên 10.
- Số hiện có so với nhu cầu cần: Thiếu 30, trong đó giáo viên 22, nhân viên 8.

2.3. Quy mô về cơ sở vật chất

T T	Hạng mục công trình	Số lượng hiện có (phòng)	Tổng diện tích (m²)	Nhu cầu cần	Thừa (+); Thiếu (-)
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	1	44.8	1	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	44.8	1	
3	Phòng đoàn thể	0		1	(-) 1
4	Văn phòng	1	60	1	
5	Phòng bảo vệ	1	11	1	
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	1	44	1	
7	Khu để xe CB, GV, NV	1	65	1	
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	22	1.023	40	(-) 18
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	46.5	1	
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật (hiện tại đang sử dụng hội trường)	1	90	1	(-) 1
4	Phòng học bộ môn Công nghệ	1		1	

5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	2	70.2	1	
6	Phòng học bộ môn Tin học	1	46.5	2	(-) 1
7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0		1	(-) 1
8	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0		1	(-) 1
9	Phòng đa chức năng	0		1	(-) 1
III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện	1	40	Diện tích không đáp ứng số HS	(-) 1
2	Phòng thiết bị giáo dục	2	20	2	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	20	1	
4	Phòng truyền thống	1	89.6	1	
5	Phòng Đoàn, Đội	1	44.8	1	
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp	1	268.8	1	
2	Phòng các tổ chuyên môn	3	60	3	
3	Phòng Y tế	1	44.8	1	
4	Nhà kho	3	60	3	
5	Khu để xe học sinh	1	700	1	
6	Khu vệ sinh học sinh	- Khu vệ sinh nam: 01 máng tiểu nam dài 3m ; 05 xí , 03 chậu rửa; - Khu vệ sinh nữ: 11 xí và 03 chậu rửa	55	- Khu vệ sinh nam: 31 tiểu, 31 xí, 31 chậu rửa tay - Khu vệ sinh nữ: 42 xí, 42 chậu rửa	- Thiếu khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà - Khu vệ sinh nam: (-) 30 tiểu; 26 xí, 28 chậu rửa - Khu vệ sinh nữ:

					(-) 31 xí, 39 chậu rửa
7	Phòng chờ giáo viên	1		4	(-) 3
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
1	Sân trường		5.554	13.880	(-) 8.326
2	Sân thể dục thể thao		294		
3	Nhà đa năng	1	241.5	1	

3. Chất lượng giáo dục toàn diện

3.1. Chất lượng hai mặt giáo dục

Nội dung		Năm học						CLP T 2020- 2025	So sánh Tăng (+) Giảm(-)
		2020- 2021	2021-2022		2022- 2023	2023- 2024	2024-2025 (HKI)		
Tỷ lệ tuyển mới đầu cấp		100	100		100	100	100	100	
Tỷ lệ lên lớp thăng		98.5	98.9		98.5	99.3		98.0	(+) 0.8%
Tỷ lệ TN THCS		100	100		100	100		100	
Tỷ lệ phân luồng sau TN THCS		13.0	13.8		21.9	26.7		12.0	(+) 6.85%
Chất lượng	Học lực/ Học tập	Giỏi/tổ t, khá	72.5	77.0	70.1	72.8	68.2	72.8	(-) 0.68%

đại trà	Hạnh kiểm/ rèn luyện	Khá, tốt	99.9	99.9	99.2	98.2	99.5	98.2	(+) 1.14%
Chất lượng mũi nhọn	Tỷ lệ học sinh xuất sắc, học sinh giỏi	34.0	36.0		32.0	35.6		30.0	(+) 4.4%
	Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố	21	27		38	44	30	25	(+) 7
	Số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh	10	4		9	15		14	

3.1.2. Giải Khoa học kỹ thuật; Sáng tạo TTN-ND

Năm học	Sáng tạo TTN-ND		Khoa học kỹ thuật		
	Cấp thành phố	Cấp tỉnh	Cấp thành phố	Cấp tỉnh	Quốc tế
2020-2021	1 giải Nhì, 1 giải Ba	1 giải Khuyến khích	1 giải Nhì, 1 giải Ba		
2021-2022			2 giải Ba		
2022-2023			1 giải Nhì, 1 giải Tư	Giấy chứng nhận tham gia cấp Tỉnh	Huy chương Vàng và Giải đặc biệt Cuộc thi Sáng chế Quốc tế Pric Eiffel 2022
2023-2024	02 giải Khuyến khích		01 giải ý tưởng		
2024-2025		01 giải Nhì			

3.1.3. Giải Toán TIMO, tiếng Anh trên Internet (IOE)

Năm học	Toán TIMO	IOE			Quốc gia
		Cấp trường	Cấp thành phố	Cấp tỉnh	
2020-2021					
2021-2022			56 giải	4 giải	1 giải Khuyến khích
2022-2023	2 giải quốc tế (2 Huy chương Đồng) 25 giải quốc gia (03 Huy chương Bạc, 22 Huy chương Đồng)	04 giải Nhất, 04 giải Nhì, 04 giải Ba, 01 giải Tư	01 giải Nhì, 02 giải Ba, 03 giải Khuyến khích	01 giải Nhất, 03 giải Khuyến khích	
2023-2024	11 giải quốc gia (01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 08 Huy chương Đồng, 01 giải Khuyến khích)			02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 12 giải Ba, 08 giải Khuyến khích	01 giải Bạc, 02 giải Khuyến khích
2024-2025	06 giải quốc gia (01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng)			02 giải Nhì, 03 giải Ba, 04 giải Khuyến khích	03 giải Khuyến khích,

3.4. Giải văn nghệ, thể dục thể thao :

Năm học	Văn hoá văn nghệ, TDTT		Cuộc thi khác
	Cấp thành phố	Cấp tỉnh	
2020-2021	- Giải Ba cuộc thi Nhóm nhảy “Ngày hội sắc màu” - 5 Huy chương Vàng, Bạc, 3 Huy chương Đồng giải Bơi, Điền kinh	1 Huy chương Đồng giải Điền kinh	2 giải Khuyến khích cuộc thi “Giao thông thông minh” cấp quốc gia

2021-2022	1 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng giải Điền kinh		
2022-2023	- Giải Nhì hội trại; giải Nhì họa mi vàng - 1 Huy chương Bạc, 2 Huy chương Đồng Bơi; 1 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng giải Điền kinh		
2023-2024	- Huy chương Đồng môn bóng đá nam; 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng môn bơi; 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng môn bóng bàn; 01 Huy chương Đồng môn đá cầu; 01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Đồng môn Võ, 02 Huy chương Đồng môn Điền kinh.		- 01 giải Ba cấp tỉnh, 01 giải Nhì, 01 giải Ba cấp thành phố cuộc thi tìm hiểu “Quảng Ninh 60 năm xây dựng và phát triển”
2024-2025	- 03 Huy chương Bạc giải Bơi, 01 Huy chương Đồng giải Điền kinh	- Giải Khuyến khích thi kể chuyện theo sách	

3.2. Chất lượng đội ngũ

TT	NỘI DUNG	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Xếp loại viên chức	48	56	56	63	60
	- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	17 = 35.4%	25 = 44.6%	36 = 64.3%	11=17.4%	
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ	31= 64.6%	31 = 55.4%	20 = 35.7%	52=88.6%	
	- Hoàn thành nhiệm vụ	0	0	0	0	

2	Đánh giá theo chuẩn					
2.1	Hiệu trưởng		1	1	1	
	- Tốt		1=100%	1=100%	1=100%	
	- Khá			0	0	
	- Đạt			0	0	
2.2	- Phó Hiệu trưởng		1	1	2	
	- Tốt	1=100%	1= 100%	1=100%	2 = 100%	
	- Khá			0	0	
	- Đạt			0	0	
2.3	Giáo viên	45	52	52	58	
	-Tốt	7 = 15.5%	16 = 30.8%	21= 40.4%	20=31.7%	
	- Khá	38 = 86.5%	36 = 69.2%	31= 59.6%	38=60.3%	
	- Đạt	0	0	0	0	
3	Giáo viên dạy giỏi					
	- Cấp trường	38 =79.2%	32 = 58.1%	44=84.6 %	34=63%	Bảo lưu
	- Cấp thành phố	13=30.2%	13 (bảo lưu)	18 = 34.6%	Bảo lưu	
	- Cấp Tỉnh	3 = 6.7%	3 (bảo lưu)	3 (bảo lưu)	7=13%	7 (bảo lưu)
4	GVCN giỏi					
	- Cấp trường				9 = 23.1%	9 (Bảo lưu)
	- Cấp thành phố				8 = 20.5%	8 (Bảo lưu)
	- Cấp Tỉnh				0	4 = 10%

3.3. Kết quả thi đua

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	So sánh CLPT 2020-2025
Tập thể	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc - Công đoàn: vững mạnh - Liên đội: đạt danh hiệu liên đội mạnh cấp Tỉnh	- Trường: Tập thể Lao động tiên tiến - Công đoàn: vững mạnh - Liên đội: đạt danh hiệu liên đội mạnh cấp Tỉnh	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc - Công đoàn: hoàn thành tốt nhiệm vụ - Liên đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	- Trường: Tập thể tiên tiến - Công đoàn: hoàn thành tốt nhiệm vụ; được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động thành phố - Liên đội: đạt danh hiệu liên đội mạnh cấp tỉnh		- Năm 2021, 2023: Đạt chỉ tiêu - Năm 2022, 2024: nhà trường không đạt tập thể LĐSX (không đạt chỉ tiêu)
Cá nhân	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 02 - CSTĐ cấp Tỉnh: 01 - CSTĐ cấp cơ sở: 07 - Giấy khen UBND TP: 02 - LĐTT: 48	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 1 - Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 1 - CSTĐ cấp cơ sở : 7 - Giấy khen UBND TP: 2 - LĐTT: 51	- 1 GV được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú - UBND tỉnh tặng Bằng khen: 01 - Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 02 - CSTĐ cấp cơ sở : 8 - Giấy khen UBND TP: 7 - LĐTT: 56	- CSTĐ cơ sở: 11; Giấy khen Sở GD: 1; Giấy khen UBND thành phố: 2; LĐTT: 63		- Từ năm 2021-2024 không có GV được tặng Bằng khen của Bộ GDĐT - Năm 2021 không có GV được tặng Giấy khen của Sở GDĐT - Năm 2023, 2024 không có GV đạt CSTĐ cấp Tỉnh (không đạt chỉ tiêu)

4. Điểm mạnh:

4.1. Đội ngũ giáo viên

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm, có bề dày kinh nghiệm trong công tác giáo dục, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, nhiều đồng chí cán bộ, giáo viên là cốt cán của ngành.

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tạo được uy tín với đồng nghiệp, với học sinh và cha mẹ học sinh.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên: 100% đạt chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn (Thạc sĩ) chiếm tỉ lệ 8.3 %

- Nhiều giáo viên có bề dày thành tích và kinh nghiệm giảng dạy, có năng lực giảng dạy tốt, luôn tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ; 100% cán bộ, giáo viên được bồi dưỡng thực hiện giảng dạy chương trình GDPT 2018; 100% giáo viên xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ khá trở lên, trong đó xếp loại tốt chiếm 31.7 %; giáo viên dạy giỏi cấp thành phố đạt 34.6%, cấp tỉnh đạt 13%; GVCN giỏi cấp thành phố đạt 20.5%.

- Đội ngũ giáo viên đang được trẻ hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận sự đổi mới trong giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

4.2. Học sinh

- Học sinh có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học sinh, có ý thức trong các hoạt động giáo dục toàn diện và lực học tương đối đồng đều, được rèn luyện những kỹ năng sống cơ bản đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện nay.

- Kết quả rèn luyện khá, tốt chiếm tỷ lệ 99.5%; kết quả học tập khá, tốt chiếm tỷ lệ 72.0%

- Học sinh say mê tìm tòi, nghiên cứu khoa học, năm 2024 đạt giải Nhì cuộc thi Sáng tạo TTN-ND cấp tỉnh.

- Nhiều học sinh có năng khiếu trong các lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao.

- Đa số các em ngoan, ham học, ít bị tác động bởi môi trường xã hội hiện nay. Qua các năm học, nhà trường không có hiện tượng học sinh vi phạm, pháp luật, không có học sinh mắc các tệ nạn xã hội; không xảy ra bạo lực học đường; không xảy ra các hiện tượng khác: xâm hại, đuối nước,....

4.3. Cơ sở vật chất

- Nhà trường bố trí đủ phòng học tổ chức học 1 ca, các phòng được trang bị đầy đủ điều kiện về bàn ghế, ánh sáng, quạt mát, điều hòa, máy chiếu trong đó có 21 phòng học thông minh (06 phòng loại 1); 04 phòng học bộ môn, 01 phòng học Tin học, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập cho học sinh.

- Nhà trường có thiết bị dạy học phục vụ công tác dạy và học.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ.

4.4. Tài chính

- Thực hiện thu, chi đúng theo quy định của các cấp, quy định tài chính. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.5. Môi trường giáo dục

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của phòng GD&ĐT, của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Học sinh nhà trường chủ yếu là con em cán bộ công chức, viên chức, công nhân đời sống kinh tế tương đối ổn định. Cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và giáo dục học sinh.

- Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch đẹp có khuôn viên thoáng mát, được bao quanh bởi tường rào chắc chắn, tách biệt với khu dân cư, an toàn về an ninh trật tự. Những đặc điểm về địa lý, môi trường như trên là những điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường đoàn kết, có ý thức trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề. Các lớp học trong nhà trường đảm bảo cơ cấu theo quy định của Điều lệ trường trung học. Đội ngũ cán sự lớp là những em chăm ngoan, học giỏi, có năng lực tổ chức các hoạt động của lớp, xây dựng nền nếp tốt.

5. Điểm yếu

5.1. Đội ngũ giáo viên

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn (trình độ Thạc sĩ) còn thấp; giáo viên dạy bộ môn KHTN, Lịch sử & Địa lý đã có đầy đủ chứng chỉ bồi dưỡng giảng dạy bộ môn tích hợp song chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Một số giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, trong công tác chủ nhiệm lớp.

5.2. Học sinh

- Một số học sinh chưa tích cực học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng nghiên cứu khoa học của học sinh còn hạn chế.

5.3. Cơ sở vật chất

- Hiện tại, 16 lớp bố trí học nhờ tại phân hiệu của trường Tiểu học Lý Thường Kiệt nên bất cập trong công tác quản lý học sinh.

5.4. Tài chính

- Việc đầu tư kinh phí để tổ chức các hoạt trải nghiệm, ngoại khóa cho học sinh còn hạn chế.

6. Thời cơ

- Nhà trường đạt những thành tích đáng khích lệ được lãnh đạo, chính quyền các cấp, cha mẹ học sinh và nhân dân đánh giá cao, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh và các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn, tạo điều kiện và tạo cơ hội cho nhà trường phát triển.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện địa phương, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, công tác chỉ đạo của ngành về chuyên môn hướng tới việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 tạo cơ hội cho nhà trường không ngừng sáng tạo, phát huy nội lực, chủ động hơn trong công tác quản lý, việc thực hiện chương trình, nội dung giảng dạy.

- Đội ngũ giáo viên phần lớn có thâm niên tay nghề vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm khá tốt và hơn hết là tinh thần ham học hỏi.

7. Thách thức

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện ngày càng cao; khả năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên phải đổi mới trong xu thế hội nhập.

- Việc bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, giáo viên vừa là cơ hội cũng vừa là thách thức đòi hỏi mỗi cán bộ, giáo viên phải nâng cao năng lực CNTT, năng lực chuyên môn, năng lực tự nghiên cứu và tự bồi dưỡng để hoàn thiện mình, chuẩn bị những điều kiện tốt nhất, chủ động thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Giáo viên dạy tích hợp bộ môn Lịch sử và Địa lý, bộ môn Khoa học tự nhiên không được đào tạo chính quy.

- Yêu cầu của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục, trong khi đó, năng lực của một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu đó.

- Nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình đặc biệt.

- Hiện tượng thiếu giáo viên về cơ cấu bộ môn và số lượng giáo viên trong nhà trường

- Thiếu phòng bộ môn Âm nhạc, Khoa học xã hội, phòng học Ngoại ngữ, phòng đa chức năng; phòng Mĩ thuật đang sử dụng tại hội trường; phòng Tin học chưa được đầu tư thiết bị; diện tích đất không đảm bảo quy định tối thiểu 8m²/HS; không có khu vệ sinh riêng biệt cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học; diện tích nhà vệ sinh không đáp ứng được diện tích tối thiểu theo quy định.

8. Định hướng

8.1. Định hướng

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương.

- Tập trung các giải pháp triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Chú trọng mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục thể chất; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh.

- Tham mưu với các cấp quản lý khắc phục bất cập về cơ sở vật chất; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ để đảm bảo các tiêu chí trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nhà trường, trong dạy và học; duy trì công tác phổ cập giáo dục.

8.2. Xác định hướng trọng tâm

- Phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển; xây dựng nề nếp giáo dục toàn diện. Tận dụng các nguồn lực bên ngoài nhà trường để phối hợp ba môi trường giáo dục phát triển giáo dục nhà trường.

- Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phấn đấu trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

8.3. Xác định những vấn đề ưu tiên

- Tập trung xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại và hội nhập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tham mưu bổ sung nguồn lực đáp ứng triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018; phát triển phẩm chất, năng lực của người học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội, gắn giáo dục tri thức, đạo đức với giáo dục truyền thống văn hóa, giáo dục thể chất; rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống.

- Sau khi tốt nghiệp bậc THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

- Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ và trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn để thực hiện triển khai chương trình GDPT 2018. Tạo điều kiện cho giáo viên được đào tạo nâng chuẩn trình độ đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực và tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập và công nghiệp hóa.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên đổi số trong nhà trường.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học thông minh.

- Giáo dục cho học sinh có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; rèn khả năng tự học. Tham gia có hiệu quả các sân chơi trí tuệ quốc gia và quốc tế. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn, nghiên cứu khoa học; các cuộc thi nghệ thuật, TDTT. Giáo dục học sinh những năng lực và phẩm chất của công dân toàn cầu.

- Huy động có hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhà trường.

III. SỨ MỆNH, CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TẦM NHÌN

1. Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường”

2. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Hệ giá trị.

2.1. Tầm nhìn:

- Ngôi trường đứng top 5 về chất lượng giáo dục đại trà trong hệ thống các trường THCS công lập của thành phố từ đó tạo đà cho sự phát triển chất lượng mũi nhọn.

- Xây dựng môi trường làm việc nề nếp, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết; kiến tạo hạnh phúc cho từng thành viên; nơi học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên và học sinh tự giác phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân, vì danh dự và truyền thống nhà trường; đáp ứng các yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

2.2. Sứ mệnh:

- Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trên địa bàn phường Giếng Dáy; tạo dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm; Là ngôi trường với những hoạt động giáo dục và trải nghiệm để hình thành nên những học sinh tự tin, có năng lực thực hành, tư duy sáng tạo và khả năng ứng xử trong cuộc sống.

- Hành động vì sự tiến bộ của mỗi thành viên để kiến tạo ngôi trường hạnh phúc.

2.3. Hệ giá trị:

- Chính trực là phẩm chất của việc trung thực và có kỷ luật đạo đức mạnh mẽ góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách học sinh và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên.

- Trách nhiệm là phẩm chất luôn được nhà trường giáo dục cho mỗi thành viên hướng đến trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường sống.

- Yêu thương là giá trị sống cao đẹp nhất của mỗi con người, nơi mỗi thành viên trong nhà trường biết yêu thương bản thân, biết lắng nghe, thấu cảm, trân trọng và tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh.

- Trí tuệ là một năng lực quan trọng giúp trường đứng top 5 về chất lượng đại trà và mũi nhọn. Các hoạt động học tập và vui chơi giúp thầy và trò nhà trường không ngừng trau dồi và rèn luyện để trí tuệ luôn tỏa sáng.

- Hợp tác là sẵn sàng chia sẻ, học hỏi và tham gia các hoạt động cùng nhau một cách tích cực, trong đó nhấn mạnh sự kết nối, xây dựng mối quan hệ và gắn kết thành viên trong nhà trường.

- Thích ứng là yếu tố cốt lõi giúp phát triển khả năng thích nghi, ứng phó của mỗi cá nhân với sự thay đổi của môi trường, hoàn cảnh để đạt được các mục tiêu giáo dục.

- Sáng tạo là tiên phong khai phá ý tưởng mới, tự làm mới chính mình để thực hiện sứ mệnh tiếp nối và phát triển nhà trường.

- Hội nhập là hướng tới đào tạo và phát triển con người có khả năng vượt qua sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và có thể trở thành công dân toàn cầu.

IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển giáo dục hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của

khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc.

- Phát triển giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với đối tượng người học.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả thiết bị, phần mềm dạy học, phòng học bộ môn, phòng học thông minh trong giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

- Phát triển nhà trường theo mô hình “trường học hiện đại” để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh, tạo lập môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia, đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Quy mô về học sinh giai đoạn 2025-2030

2.1.1. Phát triển mạng lưới trường lớp:

T T	NỘI DUNG	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029- 2030
1	Tổng số lớp	42	40	37	35	33
2	Tổng số học sinh	1812	1793	1647	1547	1469
3	Tỷ lệ huy động 11-14 tuổi ra lớp	100%	100%	100%	100%	100%
4	Tỷ lệ HS hoàn thành CTTH vào lớp 6	100%	100%	100%	100%	100%
5	Tỷ lệ duy trì sĩ số	100%	100%	100%	100%	100%

- Duy trì đạt phổ cập THCS mức độ 3.

2.1.2. Quy mô về học sinh

T T	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
				Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS
1	2025-2026	42	1812	10	427	11	456	11	492	10	437
2	2026-2027	40	1793	9	404	10	450	10	446	11	493
3	2027-2028	37	1647	8	347	9	404	10	450	10	446
4	2028 - 2029	35	1547	8	346	8	347	9	404	10	450
5	2029 - 2030	33	1469	9	372	8	346	8	347	8	404

2.1.3. Chất lượng hai mặt giáo dục

Năm học		Chỉ tiêu		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028 - 2029	2029-2030
Tỷ lệ lên lớp thăng				99% trở lên	99% trở lên	99% trở lên	99% trở lên	99% trở lên
Tỷ lệ tốt nghiệp THCS				100%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ phân luồng sau tốt nghiệp THCS				20% trở lên	20% trở lên	20% trở lên	20% trở lên	20% trở lên
Tỷ lệ thi đỗ các trường THPT công lập				50% trở lên	50% trở lên	50% trở lên	50% trở lên	50% trở lên
Chấ t lượ ng đại trà	Học tập	Khá, Tốt	70% - 75%	70% - 75%	70% - 75%	70% - 75%	70% - 75%	70% - 75%
	Rèn luyện	Khá, Tốt	99%- 99.5 %	99%-99.5%	99%-99.5%	99%-99.5%	99%-99.5%	99%-99.5%
Chấ t lượ ng	Học sinh xuất sắc	80 – 100		80 - 100	80 - 100	80 - 100	80 - 100	80 - 100
	Học sinh giỏi	500 – 550		500 - 550	500 - 550	500 - 550	500 - 550	500 - 550

mũi nhọn (số lượng HS)	Học sinh giỏi cấp thành phố	40 - 50 giải	40 - 50 giải	40 - 50 giải	40 - 50 giải	40 - 50 giải
	Học sinh giỏi cấp tỉnh	15 – 20 giải	15 – 20 giải	15 – 20 giải	15 – 20 giải	15 – 20 giải
	Học sinh đạt giải trong các cuộc giao lưu (Toán TIMO, IOE...)	20 – 30 giải	20 – 30 giải	20 – 30 giải	20 – 30 giải	20 – 30 giải
	KHKT, Sáng tạo TTN-ND	2 giải	2 giải	2 giải	2 giải	2 giải
Văn hoá, văn nghệ; TDTT		15 – 20 giải (HKPD)	5 -10 giải	15 – 20 giải (HKPD)	5 -10 giải	15-20 giải (HKPD)

- Kết quả học tập theo mức Tốt: Tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt đạt từ 10% trở lên.

- Kết quả học tập theo mức Khá: Tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá đạt từ 35% trở lên.

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: Tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt không quá 5%.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh không được lên lớp.

- Năm 2025: 70% học sinh đạt chuẩn năng lực đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT (Bậc 2 đối với học sinh lớp 9). Đến năm 2030: Điểm trung bình thi vào lớp 10 môn tiếng Anh đạt trên 5.5 điểm; 90% học sinh đạt chuẩn năng lực đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT.

2.2. Quy mô về đội ngũ giai đoạn 2025-2030

2.1.1. Cơ cấu lãnh đạo:

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn, điều kiện		Ghi chú
		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	
1	Số lượng	01	02	
2	Trình độ đào tạo	Đại học	Đại học	
3	Trình độ ngoại ngữ	Anh B1	Chứng chỉ tiếng Anh, tiếng Dao	
4	Trình độ tin học	Ứng dụng công	Ứng dụng công	

		nghệ thông tin cơ bản	nghệ thông tin cơ bản	
5	Trình độ lý luận chính trị	Trung cấp	Trung cấp	
6	Trình độ quản lý giáo dục	Thạc sĩ	Chứng chỉ	
7	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương	Chứng chỉ	Chứng chỉ	
8	Đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	

2.2.2 Cơ cấu giáo viên, nhân viên:

- Số lượng người làm việc theo định mức

[illegible]

	Nghề nghiệp giáo viên										
	Mức Tốt	30% trở lên		30% trở lên		30% trở lên		30% trở lên		30% trở lên	
	Mức Khá	100%		100%		100%		100%		100%	

- Cơ cấu giáo viên theo môn

Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030
Số lượng	81	77	71	68	64
Toán	23	22	21	20	19
Công nghệ	1	1	1	1	1
Ngữ văn	22	22	20	20	19
GDCD	1	1	1	1	1
Lịch sử & Địa lý	6	5	4	4	4
Tiếng Anh	8	7	6	5	5
Khoa học tự nhiên (Lý, Hoá, Sinh)	10	9	8	7	6

Giáo dục thể chất	3	3	3	3	2
Âm nhạc	2	2	2	2	2
Mỹ thuật	2	2	2	2	2
Tin học	2	2	2	2	2
TPT Đội	1	1	1	1	1

- Cơ cấu nhân viên

Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030
Số lượng	15	15	15	15	15
Thiết bị, thí nghiệm	1	1	1	1	1
Tư vấn học sinh	1	1	1	1	1
Hỗ trợ GD khuyết tật	2	2	2	2	2
Thư viện	1	1	1	1	1
Quản trị công sở	1	1	1	1	1
Nhân viên văn thư	1	1	1	1	1
Thủ quỹ	1	1	1	1	1
Kế toán	1	1	1	1	1
Y tế học đường	1	1	1	1	1

Nhân viên bảo vệ	3	3	3	3	3
Nhân viên phục vụ	2	2	2	2	2

2.2.3. Chất lượng đội ngũ

Năm học Chỉ tiêu	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
GVDG cấp trường	63% -65%	Bảo lưu	63%-65%	Bảo lưu	63%-65%
GVDG cấp thành phố	23% (Bảo lưu)	23%-25%	Bảo lưu	23%-25%	Bảo lưu
GVDG cấp tỉnh	15% (Bảo lưu)	Bảo lưu	15%-20%	Bảo lưu	Bảo lưu
GVCNLTG cấp trường	23% (Bảo lưu)	23%-25%	Bảo lưu	23%-25%	Bảo lưu
GVCNLTG cấp thành phố	20% (bảo lưu)	20%-25%	Bảo lưu	20%-25%	Bảo lưu
GVCNLTG cấp tỉnh	10% (Bảo lưu)	Bảo lưu	Bảo lưu	Bảo lưu	10%-15%

- Tỷ lệ đảng viên từ 70% trở lên; Lý luận chính trị sơ cấp 100%, trung cấp 15%; mỗi năm kết nạp ít nhất 02 đảng viên mới.

- Đánh giá, xếp loại viên chức: 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.3. Quy mô về cơ sở vật chất:

T T	Hạng mục công trình	Nhu cầu cần	Tổng diện tích (m²)	Ghi chú
I	Khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	1	45	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	45	
3	Phòng đoàn thể	1	45	
4	Văn phòng	1	60	
5	Phòng bảo vệ	1	20	
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	1	44	
7	Khu để xe CB, GV, NV	1	65	
II	Khối phòng học tập			

1	Phòng học	42	2058	
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	60	
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	60	
4	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	60	
5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	2	120	
6	Phòng học bộ môn Tin học	2	120	
7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	60	
8	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	1	60	
9	Phòng đa chức năng	1	60	
III	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	Đạt mức 1		
2	Phòng thiết bị giáo dục	2	96	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	20	
4	Phòng truyền thống	1	90	
5	Phòng Đoàn, Đội	1	45	
IV	Khối phụ trợ			
1	Phòng họp	1	60	
2	Phòng các tổ chuyên môn	3	60	
3	Phòng Y tế	1	45	
4	Nhà kho	3	60	
5	Khu để xe học sinh	1	700	
6	Khu vệ sinh học sinh	- Có khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà - Khu vệ sinh nam: 31 xí , 31 chậu rửa; - Khu vệ sinh nữ: 42 xí và 42 chậu rửa		

7	Phòng chờ giáo viên	6	120	
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
1	Sân trường		10.872	
2	Sân thể dục thể thao	294	294	
3	Nhà đa năng	1	241.5	

2.4. Công tác kiểm định chất lượng, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

Trường đạt KĐCL mức 2 và chuẩn quốc gia mức 1 giai đoạn 2025-2030

2.5. Công tác chuyển đổi số

- Kết quả đánh giá chuyển đổi số: đạt mức độ 3

2.6. Các nội dung khác

- Trường được công nhận đạt chuẩn cơ quan văn hóa
- Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; trường học “An toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”
- Trường được công nhận “Đơn vị học tập” cấp thành phố

2.7. Lộ trình thi đua

Năm học	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
Tập thể	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc; được tặng Giấy khen của UBND thành phố - Công đoàn: vững mạnh; được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động Thành phố - Liên đội: vững mạnh cấp Tỉnh	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc; được tặng Bằng khen của UBND Tỉnh - Công đoàn: vững mạnh - Liên đội: Vững mạnh cấp Tỉnh; được tặng Bằng khen của Trung ương Đoàn	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc; được tặng Giấy khen của UBND thành phố - Công đoàn: vững mạnh; được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động Thành phố - Liên đội: vững mạnh cấp Tỉnh	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc; được tặng Cờ dẫn đầu khối THCS - Công đoàn: vững mạnh; được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động Thành phố - Liên đội: vững mạnh cấp Tỉnh	- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc. - Công đoàn: vững mạnh; được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động Thành phố - Liên đội: vững mạnh cấp Tỉnh

Cá nhân	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 2% - CSTĐ cấp cơ sở 20% trở lên - Giấy khen của UBND TP: 3 - LĐT: 100%	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 2% - CSTĐ cấp cơ sở 20% trở lên - Giấy khen của UBND TP: 3 - LĐT: 100%	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 2% - CSTĐ cấp cơ sở 20% trở lên - Giấy khen của UBND TP: 4 - LĐT: 100%	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 2% - CSTĐ cấp cơ sở 20% trở lên - Giấy khen của UBND TP: 4 - LĐT: 100%	- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 2 - CSTĐ cấp Tỉnh: 2% - CSTĐ cấp cơ sở 20% trở lên - Giấy khen của UBND TP: 4 - LĐT: 100%
---------	---	---	---	---	---

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chiến lược chung:

- Tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và Nhân dân về nội dung Kế hoạch chiến lược trên phương tiện thông tin; lấy ý kiến thống nhất nhận thức và hành động của các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo các nội dung của Kế hoạch chiến lược.

- Phát huy truyền thống đoàn kết của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, quyết tâm thực hiện được các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

- Xây dựng Văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi.

- Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, gắn kết có hiệu quả giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nhà trường.

- Có kế hoạch tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện Kế hoạch chiến lược của nhà trường.

2. Giải pháp cụ thể:

2.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách:

- Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, tài chính theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.

- Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về mọi hoạt động trong trường học mang tính đặc thù của trường, đảm bảo sự thống nhất.

2.2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn

với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội. Thực hiện việc bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng trường.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

2.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp. Chú trọng xây dựng cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán. Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên.

- Sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến.

2.4. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

- Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDPT 2018; hàng năm thực hiện việc rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục theo các mục tiêu đã đặt ra; nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học; năng lực sáng tạo của người học. Thực hiện có hiệu quả chương trình GDPT hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; phát triển giáo dục thông minh; đẩy mạnh phương thức giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm

đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

- Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ dạy học và quản lý giáo dục.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

- Phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM.

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

2.5. Tham mưu bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt.

- Tham mưu, đề xuất tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình, đáp ứng xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- + Năm 2025-2030: Đề xuất mở rộng diện tích đất; xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh học sinh và sân tập thể dục thể thao; trang bị hệ thống PCCC; trang sắm bổ sung bàn ghế giáo viên, học sinh; bàn, ghế hội trường.

- + Năm 2025: Thay mới hệ thống cửa sổ, cửa chính khu nhà học; cải tạo sân khấu.

- + Năm 2026: Lát lại gạch các phòng học.

- + Năm 2027: Sơn lại tường khu nhà học.

- Đăng ký, mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tham mưu việc trang cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ việc triển khai chương trình GDPT 2018; chú trọng khai thác sử dụng để phát huy hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất sau đầu tư,

quản lý tài sản công.

2.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục.

- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; kết nối dữ liệu từ nhà trường với các cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong nhà trường.

- Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn trường. Khuyến khích giáo viên, học sinh phát triển và khai thác dữ liệu, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào dạy và học.

- Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong triển khai ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục.

- Triển khai có hiệu quả Dự án trường học thông minh.

2.7. Tăng cường phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình – Xã hội

- Thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội; nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

2.8. Đẩy mạnh công tác kiểm tra nội bộ; phòng chống tham nhũng; đổi mới công tác truyền thông.

- Triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong giáo dục.

- Thực hiện nghiêm túc công tác công khai giáo dục, thông tin tuyên truyền trong toàn xã hội về chủ trương, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo.

- Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội, nhân dân hiểu và chia sẻ về các chủ trương đổi mới của ngành giáo dục. Tổ chức triển khai có hiệu quả phong trào thi đua; phát hiện, biểu dương và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành giáo dục.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các hoạt động, các giải pháp và sự phối hợp của các lực lượng xã hội gắn với nhiệm vụ giáo dục toàn diện học sinh.

+ Hiện đại và khai thác có hiệu quả website của trường, phát huy hiệu quả chương trình phát thanh măng non; nhóm zalo, trang fanpage... Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường tới nhân dân, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh...

+ Khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

+ Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

+ Phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng trường

- Phê duyệt hương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường; điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và nhiệm vụ của ngành, của địa phương tại mỗi thời điểm.

2. Lãnh đạo nhà trường

- Tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương để triển khai thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

- Tuyên truyền rộng rãi nội dung phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 trên các phương tiện thông tin, truyền thông của trường.

- Triển khai phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh nhà trường.

- Căn cứ phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong từng năm học, đề xuất những biện pháp để thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch.

- Định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và các văn bản hiện hành.

3. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

3.1. Tổ chức Công đoàn:

- Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của nhà trường, xây dựng chương trình hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công thực hiện phương hướng chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động công đoàn viên tích cực tham gia, đề xuất giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện phương hướng chiến lược.

3.2. Tổ chức đoàn, Đội:

- Xây dựng chương trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công kế hoạch chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục với lực lượng đoàn viên làm nòng cốt trong quá trình học tập và rèn luyện để nâng cao chất lượng, xây dựng môi trường học tập văn minh, thân thiện.

3. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu và tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại tổ. Đồng thời đề xuất các giải pháp để thực hiện phương hướng chiến lược.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch cá nhân theo từng năm học.

- Thực hiện tốt các yêu cầu của công việc theo chức năng nhiệm vụ tại mỗi vị trí việc làm được đảm nhận.

- Tham gia đề xuất các giải pháp để thực hiện phương hướng chiến lược.

5. Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Phối hợp với nhà trường trong công tác truyền thông; tuyên truyền phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; phối hợp với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

V. KẾT LUẬN:

- Bản phương hướng chiến lược phát triển trường THCS Lý Tự Trọng là văn bản định hướng sự phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030; văn bản sẽ được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường sau khi triển khai thực hiện.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược của trường THCS Lý Tự Trọng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tập thể sư phạm trường THCS Lý Tự Trọng quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng sự nghiệp giáo dục phường Giếng Đáy nói riêng và thành phố Hạ Long nói chung phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/c);
- UBND phường (b/c);
- Lãnh đạo nhà trường (c/đ);
- Các tổ chức đoàn thể, ban đại diện CMHS (p/h);
- Các tổ chuyên môn; Văn phòng (t/h);
- Cán bộ, GV, NV, HS (t/h)
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Hoàng Anh